SAO Y; SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ; Thời gian ký: 2026-09-29T17:21:37+07:00

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÀ NẴNG
ĐẾN Số:.....
Ngày:.....
Chuyển:.....
Số và ký hiệu HS: .....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 14 tháng 09 năm 2026

BIÊN BẢN GIẢI TRÌNH

Về việc Giải trình Thẩm định kinh phí và xin xem xét không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp thành phố.

Kính gửi: **Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng.**

I. Thông tin chung về đề tài:

Tên đề tài: Nghiên cứu sử dụng phụ phẩm nông nghiệp tại thành phố Đà Nẵng để chế tạo vật liệu 3D composite có khả năng kiểm soát tốc độ nhả dưỡng chất, nâng cao hiệu quả sử dụng phân bón.

Tổ chức chủ trì: Trường Đại học Sư phạm-Đại học Đà Nẵng.

Chủ nhiệm đề tài: TS. Đoàn Thị Lưu Luyến

II. Tiếp thu góp ý và Báo cáo giải trình điều kiện thực hiện đề tài:

Căn cứ Biên bản họp thẩm định kinh phí đề tài khoa học và công nghệ cấp thành phố ngày 24/8/2026 của Tổ thẩm định thuộc Sở Khoa học và Công nghệ thành phố Đà Nẵng;

Trước hết, Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu xin chân thành cảm ơn Tổ thẩm định kinh phí và các nhà khoa học, chuyên gia đã làm việc rất trách nhiệm, nghiêm túc và đưa ra những ý kiến đóng góp hết sức chuyên môn, thực tế tại Biên bản họp ngày 24/8/2026.

Căn cứ các ý kiến của Tổ thẩm định về việc rà soát, hoàn thiện thuyết minh và dự toán, đặc biệt là các yêu cầu liên quan đến quy mô mô hình thực nghiệm, khối lượng nguyên vật liệu, số mẻ chế tạo, bố trí thí nghiệm trên cây ớt, phân công nhân lực, tiến độ, dự toán kinh phí và tổ chức phối hợp triển khai mô hình;

Sau buổi làm việc với Tổ thẩm định, Nhóm nghiên cứu đã nghiêm túc rà soát, tính toán chi tiết lại toàn bộ các nội dung được yêu cầu rà soát tập trung vào sự thống nhất giữa mục tiêu, nội dung nghiên cứu, phương pháp, sản phẩm, tiến độ và dự toán; cụ thể hóa nhân lực, ngày công, số mẻ chế tạo, khối lượng bã mía, lượng phân N, P, K, quy mô và số vụ mô hình; rà soát nguyên vật liệu, báo giá, phân tích kiểm nghiệm, mô hình ứng dụng và cơ cấu kinh phí.

Sau khi nghiêm túc tiếp thu các ý kiến nêu trên, Chủ nhiệm đề tài và nhóm nghiên cứu đã tiến hành rà soát lại toàn bộ phương án tổ chức thực hiện, với mục đích đánh giá một cách thận trọng khả năng đáp ứng các yêu cầu chuyên môn, cơ sở vật chất, nhân lực, nguyên liệu, đơn vị phối hợp, tiến độ và kinh phí nếu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ.

Nhóm xin giải trình chi tiết một số vướng mắc lớn vượt quá điều kiện thực hiện hiện tại như sau:

1. Về quy mô mô hình ứng dụng và yêu cầu đánh giá hiệu quả:

Tổ thẩm định nhận xét quy mô mô hình thực nghiệm trong hồ sơ đề xuất ban đầu còn thấp, chưa đủ cơ sở để đánh giá hiệu quả của mô hình ứng dụng; đồng thời đề nghị rà soát, cân nhắc tăng quy mô/diện tích mô hình phù hợp với tính chất của một đề tài nghiên cứu ứng dụng.

Trên cơ sở tiếp thu ý kiến này, nhóm nghiên cứu đã tính toán lại phương án thực nghiệm và nhận thấy để mô hình có đủ cơ sở đánh giá hiệu quả, quy mô cần được điều chỉnh đáng kể so với phương án ban đầu, dự kiến **80 m² lên khoảng 600 m² và thực hiện trong 02 vụ theo tư vấn của tổ thẩm định tại buổi thẩm định tại chính ngày 24/8/2026**.

Việc điều chỉnh quy mô như trên không chỉ làm tăng diện tích thực nghiệm mà đồng thời kéo theo sự gia tăng về số lượng vật liệu cần chuẩn bị, lượng phân N, P, K, số mẫu theo dõi và phân tích, nhân công chăm sóc, thời gian theo dõi, công tác phí, địa điểm triển khai và các yêu cầu về tổ chức mô hình.

Như vậy, việc điều chỉnh quy mô làm thay đổi đáng kể khối lượng và phương thức tổ chức thực hiện so với phương án ban đầu

2. Về khối lượng nguyên liệu bã mía và năng lực triển khai ở quy mô mới:

Tổ thẩm định yêu cầu cụ thể hóa số mẻ chế tạo vật liệu 3D composite, lượng bã mía, lượng phân N, P, K sử dụng cho từng thí nghiệm và các khối lượng tương ứng làm căn cứ xây dựng dự toán. Đồng thời, Tổ thẩm định lưu ý cần xác định rõ tổng số công thức, số mẫu, số mẻ chế tạo và khối lượng nguyên liệu, vật tư tương ứng cho từng công việc.

Qua tính toán lại theo quy mô mô hình dự kiến tổ thẩm định đề xuất, lượng bã mía cần thu gom tăng từ khoảng **90 kg/80 m^2 lên khoảng 675 kg/600 m^2 bã mía tươi**, tương đương khoảng **340 kg bã mía sau sấy khô**.

Khối lượng này đòi hỏi phải tổ chức đồng bộ các công đoạn thu gom, vận chuyển, sơ chế, sấy, chuẩn hóa, bảo quản và chế tạo vật liệu với số lượng lớn hơn đáng kể so với phương án ban đầu.

Qua đối chiếu với điều kiện thực tế về diện tích phòng thí nghiệm, khu vực thao tác, khả năng sấy, xử lý và bảo quản nguyên liệu cũng như trang thiết bị hiện có, nhóm nghiên cứu nhận thấy **điều kiện cơ sở vật chất hiện tại chưa thật sự phù hợp để**

triển khai ổn định toàn bộ khối lượng nguyên liệu và số mẻ chế tạo ở quy mô 675 kg/600 m^2 nguyên liệu.

Nhóm nghiên cứu cho rằng đây là vấn đề cần được cân nhắc thận trọng nhằm bảo đảm chất lượng và tính đồng nhất của vật liệu trong suốt quá trình thực hiện nhiệm vụ.

3. Về sự phù hợp giữa nguồn lực và chất lượng sản phẩm khoa học

Chủ nhiệm nhiệm vụ xác định chất lượng của các sản phẩm nghiên cứu cần được đặt lên hàng đầu, đặc biệt đối với nhiệm vụ sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ.

Việc xây dựng được vật liệu 3D composite từ bã mía không chỉ là điều kiện duy nhất để đánh giá thành công của nhiệm vụ; cần đồng thời có cơ sở thực nghiệm đủ tin cậy để chứng minh khả năng kiểm soát tốc độ nhả dưỡng chất của vật liệu mang phân bón 3D composite từ bã mía.

Vì vậy, việc mở rộng quy mô để bảo đảm chất lượng sản phẩm sẽ kéo theo yêu cầu tương ứng về nguyên vật liệu, phân tích, nhân lực, thời gian và kinh phí. Nhóm nghiên cứu nhận thấy việc đáp ứng trọn vẹn, triệt để các yêu cầu chuyên môn cao của Tổ thẩm định trong điều kiện thời gian và nguồn nhân lực hiện tại của Nhóm là vô cùng khó khăn. Nếu tiếp tục triển khai khi các điều kiện thực nghiệm theo yêu cầu của Tổ thẩm định thì đề tài sẽ đối mặt với rủi ro lớn về tiến độ, chất lượng mô hình đầu ra của đề tài.

4. Về thiết kế thí nghiệm và mô hình trên cây ớt và cơ chế phối hợp:

Tổ thẩm định đề nghị xác định rõ thời điểm, địa điểm, giống cây, số vụ và quy mô thực nghiệm; đồng thời lượng hóa số mẻ vật liệu 3D composite để có cơ sở xác định công lao động và nguyên vật liệu. Bên cạnh đó, nhóm nghiên cứu cũng tiếp thu yêu cầu rà soát lại mô hình thử nghiệm trên cây ớt theo điều kiện mùa vụ thực tế và điều chỉnh quy mô cho phù hợp với tính chất nghiên cứu ứng dụng.

Trên cơ sở đó, nhóm nhận thấy phần thực nghiệm trên cây ớt cần được xây dựng lại tương đối đồng bộ, bao gồm hệ thống công thức thí nghiệm, đối chứng, số lần lặp, quy mô diện tích, số lượng cây, lượng vật liệu và phân bón sử dụng, thời gian theo dõi và các chỉ tiêu đánh giá. Nhóm nghiên cứu nhận thấy, bản chất của quá trình nghiên cứu thử nghiệm vật liệu 3D composite là phải qua các bước thực nghiệm ban đầu, theo dõi và tối ưu hóa quy trình thì mới có thể lượng hóa chính xác các thông số kỹ thuật (như số mẻ vật liệu tối ưu, tỷ lệ phối trộn, lượng dùng chuẩn trên mỗi gốc cây/diện tích). Ở giai đoạn xây dựng Thuyết minh đề xuất, việc cố định ngay toàn bộ các thông số lượng hóa chi tiết sẽ mang tính khiên cưỡng và khó phản ánh hết các biến số kỹ thuật phát sinh trong thực địa với quy mô đề xuất 600 m^2.

Việc điều chỉnh thiết kế thực nghiệm vì vậy không chỉ là điều chỉnh một số công thức riêng lẻ mà kéo theo việc tính toán lại khối lượng thí nghiệm, nguyên vật liệu, nhân lực, thời gian và kinh phí.

Tổ thẩm định đã đưa ra yêu cầu chính xác và cần thiết về mặt quản lý nhà nước: Cần xác định rõ thời điểm, địa điểm, quy mô, lượng hóa số mẻ vật liệu và chi tiết công lao động để làm căn cứ thẩm định kinh phí. Tuy nhiên, để đáp ứng đầy đủ yêu cầu này ngay ở bước Thuyết minh, nhóm nghiên cứu bắt buộc phải xây dựng lại toàn bộ thiết kế thực nghiệm một cách đồng bộ (bao gồm hệ thống công thức, số lần lặp, quy mô diện tích, thời gian theo dõi 5 năm sau nghiệm thu đề tài và mô hình đối chứng). Đồng thời quỹ thời gian hoàn thiện hồ sơ quá ngắn khiến nhóm nghiên cứu chưa thể khảo sát, đàm phán cơ chế chia sẻ rủi ro và cam kết đất đai duy trì 5 năm với các hộ dân trên địa bàn.

Nhóm nghiên cứu nhận thấy nếu tiếp tục thực hiện nhiệm vụ thì cần có thêm thời gian và nguồn lực phù hợp để xây dựng lại thiết kế thực nghiệm một cách chặt chẽ, bảo đảm cơ sở khoa học và khả năng đánh giá hiệu quả của mô hình.

5. Về sự phù hợp giữa kinh phí và khối lượng thực hiện

Tại thời điểm thẩm định, kinh phí tổ chức chủ trì đề xuất là 4.000.000.000 đồng từ nguồn sự nghiệp khoa học và công nghệ thành phố; tuy nhiên Tổ thẩm định chưa xác định tổng kinh phí cần thiết do hồ sơ chưa đủ cơ sở để thẩm định.

Chủ nhiệm nhiệm vụ nhận thức rõ rằng kinh phí không nên được xem xét độc lập mà phải tương ứng với khối lượng và yêu cầu thực tế của từng nội dung nghiên cứu.

Việc hoàn thiện dự toán vì vậy không chỉ là điều chỉnh các con số, mà cần xác định lại một cách có căn cứ mối quan hệ giữa số lượng thí nghiệm, số mẻ chế tạo, lượng nguyên liệu, số mẫu phân tích, quy mô mô hình, nhân lực, thời gian và các chi phí liên quan.

Trên tinh thần sử dụng ngân sách nhà nước tiết kiệm, hiệu quả và đúng mục đích, chủ nhiệm nhận thấy cần đặc biệt thận trọng trong việc cam kết một quy mô và khối lượng nghiên cứu, thuê địa điểm, nhân công và các khoản chi khác mà tại thời điểm hiện nay chưa thể bảo đảm đầy đủ các điều kiện đồng bộ để thực hiện.

6. Về nhân lực và phân công thực hiện

Tổ thẩm định yêu cầu cụ thể hóa thành viên thực hiện từng nội dung, số ngày công và thời gian thực hiện; đồng thời lưu ý việc phân bổ công lao động giữa các nội dung và các năm còn có sự trùng lắp, chồng chéo. Tổ thẩm định cũng yêu cầu việc phân bổ ngày công phải bám sát thời gian và khối lượng thực tế của từng công việc, tránh phân bổ dàn đều hoặc trùng lặp giữa các nội dung.

Sau khi rà soát theo quy mô thực nghiệm mới, nhóm nhận thấy việc điều chỉnh quy mô mô hình, số mẻ chế tạo, khối lượng nguyên liệu và công tác theo dõi ngoài thực địa sẽ làm thay đổi đáng kể nhu cầu nhân lực và phân công công việc.

Do đó, nếu tiếp tục thực hiện, nhóm cần xây dựng lại tương đối toàn diện phương án phân công nhân lực, thời gian tham gia và khối lượng công việc của từng thành viên để bảo đảm phù hợp với thực tế.

7. Về dự toán kinh phí và tính đồng bộ của hồ sơ

Tổ thẩm định đã yêu cầu rà soát toàn bộ căn cứ xác định kinh phí, bao gồm nguyên vật liệu, hóa chất, vật tư tiêu hao, thiết bị, phân tích kiểm nghiệm, nhân công, thuê địa điểm, công tác phí và các khoản chi liên quan.

Tổ thẩm định đồng thời yêu cầu hồ sơ sau chỉnh sửa phải bảo đảm sự thống nhất, logic và có căn cứ giữa mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu, sản phẩm, tiến độ, khối lượng công việc và kinh phí đề xuất.

Qua rà soát, nhóm nghiên cứu nhận thấy việc thay đổi quy mô thực nghiệm sẽ kéo theo việc phải tính toán lại đồng bộ toàn bộ dự toán, từ khối lượng nguyên liệu, số mẻ chế tạo, số lượng mẫu, phân tích kiểm nghiệm, nhân công chăm sóc mô hình, chi phí thuê địa điểm, công tác phí đến các khoản chi trực tiếp khác.

Như vậy, việc hoàn thiện hồ sơ sau thẩm định không còn chỉ là chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung riêng lẻ mà cần **rà soát và xây dựng lại tương đối toàn diện phương án tổ chức thực hiện và dự toán kinh phí**.

III. Đánh giá tổng thể về khả năng tiếp tục thực hiện

Sau khi nghiêm túc tiếp thu và rà soát các ý kiến của Tổ thẩm định, nhóm nghiên cứu nhận thấy các yêu cầu được đưa ra là phù hợp với mục tiêu nâng cao tính chặt chẽ, tính ứng dụng và cơ sở xác định kinh phí của một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp thành phố.

Đặc biệt, Tổ thẩm định đã yêu cầu làm rõ và lượng hóa đồng bộ các yếu tố gồm: tăng quy mô, mô hình và số lượng thí nghiệm, số mẻ chế tạo, nguyên vật liệu, nhân lực, tiến độ, mô hình ứng dụng, phân tích kiểm nghiệm và căn cứ dự toán.

Qua rà soát thực tế, nhóm nghiên cứu nhận thấy để đáp ứng đầy đủ các yêu cầu này, phương án thực hiện cần được điều chỉnh đáng kể về quy mô và công nghệ thực hiện.

Trong khi đó, với điều kiện hiện tại về **cơ sở vật chất, trang thiết bị, khả năng xử lý và chuẩn hóa nguyên liệu, nhân lực thực hiện, mô hình thử nghiệm và đơn vị phối hợp tại địa phương**, nhóm nghiên cứu **chưa bảo đảm đầy đủ các điều kiện cần thiết để cam kết triển khai nhiệm vụ ở quy mô mới một cách chủ động, ổn định và bảo đảm yêu cầu của Tổ thẩm định**.

Nhóm nghiên cứu đặc biệt cân nhắc vấn đề này trên phương diện trách nhiệm của Chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì. Việc tiếp tục cam kết thực hiện một nhiệm vụ có quy mô và yêu cầu tổ chức thực hiện lớn hơn đáng kể so với ban đầu, trong khi một số điều kiện chưa được bảo đảm đầy đủ có thể tiềm ẩn rủi ro về tiến độ, chất lượng sản phẩm và hiệu quả sử dụng nguồn lực khoa học và công nghệ.

Vì vậy, nhóm nghiên cứu nhận thấy việc **chủ động báo cáo, xin không tiếp tục thực hiện nhiệm vụ ở giai đoạn hiện tại** là phương án thận trọng và có trách nhiệm hơn so với việc tiếp tục cam kết thực hiện khi chưa thể bảo đảm đầy đủ các điều kiện cần thiết.

IV. Kính đề nghị

Trên cơ sở những nội dung nêu trên, Đơn vị chủ trì và chủ nhiệm đề tài kính đề nghị: Sở Khoa học và công nghệ rà soát và **thống nhất chủ trương cho phép không tiếp tục thực hiện đề tài** ở giai đoạn hiện tại. Nhóm nghiên cứu trân trọng tiếp thu toàn bộ các ý kiến của Tổ thẩm định và xác định đây là những góp ý có giá trị chuyên môn, giúp nhóm nhận diện rõ hơn các yêu cầu về quy mô, thiết kế thực nghiệm, tổ chức mô hình và cơ sở xác định kinh phí đối với một nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng.

Đơn vị Chủ trì và nhóm nghiên cứu chân thành cảm ơn sự quan tâm, hỗ trợ và tạo điều kiện của Sở KH&CN và các thành viên Tổ thẩm định trong suốt thời gian qua.

Kính trình quý Cấp xem xét và phê duyệt./.

CHỦ NHIỆM NHIỆM VỤ	TỔ CHỨC CHỦ TRÌ
	KT. HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG
TS. Đoàn Thị Lưu Luyến	PGS.TS. Nguyễn Văn Hiếu

vanntt1 - 21/10/2026 15:51:29 - vanntt1 - vanntt1 - vanntt1